|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **SỞ GDĐT ...............**  **TRƯỜNG THPT ...............**  **TỔ: SỬ - ĐỊA - GDCD** | **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2020-2021**  **MÔN: ĐỊA LÝ**  **LỚP: 10** |  1. **Thông tin:** 2. Nhóm trưởng: ............... 3. Tổ trưởng: ............... 4. **Kế hoạch cụ thể:** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10 CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN**

**NĂM HỌC 2020 - 2021**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết theo PPCT** | **Tên bài học/chủ đề** | **Nội dung kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** |
| **HỌC KÌ I: 35 tiết** | | | | | |
| **1**  (7/9 - 12/9/2020) | **1** | **Bài 2:** Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. | 1. Phương pháp kí hiệu.  2. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động.  3. Phương pháp chấm điểm  4. Phương pháp bản đồ, biểu đồ. | **-** Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ (Đối tượng biểu hiện, cách thể hiện, khả năng biểu hiện).  **-** Nhận biết được một số phương pháp phổ biến để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ và Atlat. | Trên lớp |
| **2** | **Bài 3:** Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống. | **I. Vai trò của bản đồ trong học tập và đời sống.**  1. Trong học tập  2. Trong đời sống  **II. Sử dụng bản đồ, Atlat trong học tập**  1. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình học tập địa lí trên cơ sở bản đồ  2. Hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố địa lí trong bản đồ, trong Atlat | **-** Hiểu và trình bày được phương pháp sử dụng bản đồ, Atlat địa lí tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng, hiện tượng và phân tích các mối quan hệ địa lí | Trên lớp |
| **2**  (14/9 - 19/9/2020) | **3** | **Bài 4:** Thực hành: Xác định một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. |  | - Hiểu rõ một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ  - Nhận biết được một số đặc tính của đối tượng địa lí được biểu hiện trên bản đồ. | Trên lớp |
| **4** | **Chương II: Vũ trụ. Hệ quả các chuyển động của Trái đất.**  **Bài 5:** Vũ trụ. Hệ mặt trời và trái đất. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của trái đất. | **I. Khái quát về Vũ Trụ, Hệ Mặt Trời và Trái Đất trong Hệ Mặt Trời**  1. Vũ Trụ  2. Hệ Mặt Trời  3. Trái Đất trong Hệ Mặt Trời  **II. Hệ quả tự quay quanh trục của Trái Đất.**  1. Sự luân phiên ngày, đêm  2. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế  3. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể | - Hiểu được khái quát về vũ trụ, hệ mặt trời trong vũ trụ, trái đất trong hệ mặt trời.  - Trình bày và giải thích được các hệ quả chủ yếu của chuyển động tự quay quanh trục của trái đất.  **-** Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, mô hình để trình bày, giải thích các hệ quả chuyển động của trái đất. | Trên lớp |
| **3**  (21/9 - 26/9/2020) | **5** | **Bài 6:** Hệ quả chuyển động xung quanh Mặt trời của Trái đất. | I. Chuyển động biểu kiến hằng năm của Mặt Trời.  II. Các mùa trong năm  III. Ngày, đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ | **-** Trình bày và giải thích được các hệ quả chủ yếu của chuyển động quay xung quanh mặt trời của trái đất.  **-** Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, mô hình để trình bày, giải thích các hệ quả chuyển động của trái đất. | Trên lớp |
| **6** | **Chương III: Cấu trúc trái đất . Các quyển của lớp vỏ địa lí.**  **Bài 7:** Cấu trúc Trái đất. Thạch quyển. Thuyết kiến tạo mảng. | **I. Cấu trúc của Trái Đất**  1. Lớp vỏ Trái Đất  2. Lớp Manti  3. Nhân Trái Đất  **II. Thuyết kiến tạo mảng** | - Nêu được sự khác nhau giữa các lớp cấu trúc của trái đất (lớp vỏ, lớp manti, lớp nhân) về thể tích , độ dày, thành phần vật chất cấu tạo chủ yếu, trạng thái.  - Biết được khái niệm thạch quyển, phân biệt được thạch quyển và vỏ trái đất.  - Trình bày được nôi dung cơ bản của thuyết kiến tạo mảng và vận dụng thuyết kiến taọ mảng để gải thích sơ lược sự hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất và núi lửa.  - Nhận biết cấu trúc bên trong của trái đất qua hình vẽ: Vị trí,độ dày của các lớp cấu trúc trái đất.  - Sử dụng tranh ảnh , hình vẽ,bản đồ để trình bày về thuyết kiến tạo mảng, cách tiếp xúc giữa các mảng và kết quả tiếp xúc. | Trên lớp |
| 4  (28/9-3/10/2020) | **7** | **Bài 8 :** Tác động của nội lực đến địa hình bề mặt trái đất. | **I. Nội lực**  **II. Tác động của nội lực**  1. Vận động theo phương thẳng đứng  2. Vận động theo phương nằm ngang | - Hiểu khái niệm nội lực và nguyên nhân sinh ra nội lực.  - Phân tích được tác động của vận động theo phương thẳng đứng và theo phương ngang đến địa hình bề mặt trái đất.  **-** Quan sát và nhận biết được kết quả của các vận động kiến tạo đến địa hình bề mặt trái đất qua tranh ảnh, hình vẽ. | Trên lớp |
| **8** | **Bài 9:** Tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt trái đất (tiết 1) | **I. Ngoại lực**  **II. Tác động của ngoại lực**  1. Quá trình phong hóa | - Hiểu khái niệm ngoại lực, nguyên nhân sinh ra và các tác nhân ngoại lực.  - Trình bày được khái niệm về quá trình phong hóa. Phân biệt được: phong hóa lí học, phong hóa hóa học, phong hóa sinh học.  **-** Quan sát và nhận xét tác động của các quá trình phong hóa đến địa hình bề mặt trái đất qua tranh ảnh, hình vẽ. | Trên lớp |
| **5**  (5/10 - 10/10/2020) | **9** | **Bài 9:** Tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt trái đất (tiếp theo) | **II. Tác động của ngoại lực**  2. Quá trình bóc mòn  3. Quá trình vận chuyển  4. Quá trình bồi tụ | - Phân biệt được những khái niệm: bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ và biết tác động của các quá trình này đến địa hình bề mặt trái đất.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các quá trình: bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.  **-** Quan sát và nhận xét tác động của các quá trình: bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ đến địa hình bề mặt trái đất qua tranh ảnh, hình vẽ. | Trên lớp |
| **10** | **Bài 10:** Thực hành: Nhận xét về sự phân bố các vành đai động đất núi lửa và các vùng núi trẻ trên bản đồ. | 1. Xác định trên bản đồ các vành đai động đất, núi lửa.  2. Nhận xét sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa. | - Biết được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa và các dãy núi trẻ trên thế giới.  - Nhận xét được mối quan hệ giữa sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa và các dãy núi trẻ với các mảng kiến tạo.  - Xác định được trên bản đồ các vành đai động đất, núi lửa và các dãy núi trẻ | Trên lớp |
| 6  (12/10 - 17/10/202) | **11** | **Bài 11:** Khí quyển. Sự phân bố nhiệt độ không khí trên trái đất. | **I. Khí quyển**  1. Khái niệm khí quyển  2. Các khối khí  3. Frông  **II. Sự phân bố nhiệt độ không khí trên TĐ**  1. Bức xạ và nhiệt độ không khí  2. Sự phân bố nhiệt độ của không khí trên Trái Đất | **-** Biết được khái niệm khí quyển.  - Biết được nguyên nhân hình thành và tính chất của các khối khí.  - Biết được khái niệm Frong và các Frong, hiểu và trình bày được sự di chuyển của các khối khí,Frong và ảnh hưởng của chúng tới thời tiết, khí hậu.  - Trình bày được nguyên nhân hình thành và các nhân tố ảnh hưởng đến nhiệt độ không khí.  **-** Nhận biết nội dung kiến thức qua: Hình ảnh,bảng thống kê. | Trên lớp |
| **12** | **Bài 12:** Sự phân bố khí áp. Một số loại gió chính. | **I. Sự phân bố khí áp**  1. Phân bố các đai khí áp trên Trái Đất  2. Nguyên nhân thay đổi của khí áp  **II. Một số loại gió chính**  1. Gió Tây ôn đới  2. Gió Mậu dịch  3. Gió mùa  4. Gió địa phương | - Phân tích mối quan hệ giữa khí áp và gió, nguyên nhân làm thay đổi khí áp.  - Biết được nguyên nhân hình thành một số loại gió thổi thường xuyên trên trái đất,gió mùa và một số loại gió địa phương.  **-** Nhận biết nguyên nhân hình thành một số loại gió chính qua bản đồ và các hình vẽ. | Trên lớp |
| 7  (19/10 - 24/10/202) | **13** | **Bài 13:** Ngưng đọng hơi nước trong khí quyển. Mưa. | **I. Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa**  1. Khí áp  2. Frông  3. Gió  4. Dòng biển  5. Địa hình  **II. Sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất**  1. Lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đều theo vĩ độ  2. Lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đều do ảnh hưởng của đại dương | **-** Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới lượng mưa và sự phân bố mưa trên trái đất.  - Phân tích mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố: nhiệt độ, khí áp, đại dương với lượng mưa.  - Phân tích biểu đồ phân bố mưa theo vĩ độ  - Đọc phân tích phân bố mưa trên lược đồ | Trên lớp |
| **14** | **Bài 14:** *Thực hành:* Đọc bản đồ sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên trái đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu. | 1. Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.  2. Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của các kiểu khí hậu. | - Biết được sự hình thành và phân bố các đới, các kiểu khí hậu chính trên trái đất.  - Đọc bản đồ: xác định ranh giới các đới, sự phân hóa các kiểu khí hậu trong từng đới | Trên lớp |
| 8  (26/10 - 31/10/202) | **15** | **Ôn tập** | Chương I: Bản đồ  Chương II: Vũ Trụ. Hệ quả các chuyển động của Trái Đất  Chương III: Cấu trúc của Trái Đất. Các quyển của lớp vỏ Địa lí | Hệ thống hóa, khái quát hóa kiến thức của ba chương:  - Chương I: Bản đồ  - Chương II: Vũ trụ. Hệ quả các chuyển động của trái đất  - Chương III: Cấu trúc của trái đất. Các quyển của lớp vỏ địa lí.  - Kĩ năng đọc, phân tích bản đồ, bảng số liệu, tính giờ | Trên lớp |
| **16** | **Kiểm tra viết 1 tiết** | Củng cố kiến thức nội dung kiến thức:  Chương I: Bản đồ  Chương II:Vũ Trụ. Hệ quả các chuyển động của Trái Đất  Chương III: Cấu trúc của Trái Đất. Các quyển của lớp vỏ Địa lí | Trả lời được các câu hỏi kiểm tra thuộc các chương:  - Chương I: Bản đồ  - Chương II: Vũ trụ. Hệ quả các chuyển động của trái đất  - Chương III: Cấu trúc của trái đất. Các quyển của lớp vỏ địa lí  **-** Tính toán giờ ở một số địa phương, tính góc nhập xạ | Trên lớp |
| 9  (2/11 - 7/11/2020) | **17** | **Chủ đề: Thủy quyển** | **A. Thủy quyển. Một số nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. Một số sông lớn trên Trái Đất.**  **I. Thủy quyển**  1. Khái niệm  2. Tuần hoàn của nước trên Trái Đất  **II. Một số nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông**  1. Chế độ mưa, băng tuyết và nước ngầm  2. Địa thế, thực vật và hồ đầm  **III. Một số sông lớn trên Trái Đất**  **B. Sóng. Thủy triều. Dòng biển**  **I. Sóng biển**  **II. Thủy triều**  **III. Dòng biển** | - Biết được khái niệm thủy quyển.  - Hiểu và trình bày được vòng tuần hoàn của nước trên trái đất.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.  - Biết được đặc điểm và sự phân bố một số sông lớn trên thế giới.  - Mô tả và giải thích được nguyên nhân sinh ra các hiện tượng: sóng biển, thủy triều, sự phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng, lạnh trong đại dương thế giới.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các nhân tố tự nhiên với chế độ dòng chảy của một số con sông  - Sử dụng bản đồ các dòng biển trong đại dương thế giới để trình bày về các dòng biển lớn: tên một số dòng biển lớn, vị trí, nơi xuất phát, hướng chảy của chúng. | Trên lớp |
| **18** |
| 10  (9/11 - 14/11/202) | **19** | **Bài 17:** Thổ nhưỡng quyển. Các nhân tố hình thành thổ nhưỡng. | **I. Thổ nhưỡng**  **II. Các nhân tố hình thành đất**  1. Đá mẹ  2. Khí hậu  3. Sinh vật  4. Địa hình  5. Thời gian  6. Con người | - Biết được khái niệm thổ nhưỡng, thổ nhưỡng quyển.  - Trình bày được các nhân tố và vai trò của chúng đối sự hình thành đất. | Trên lớp |
| **20** | **Bài 18:** Sinh quyển. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố sinh vật. | **I. Sinh quyển**  **II. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật**  1. Khí hậu  2. Đất  3. Địa hình  4. Sinh vật  5. Con người | **-** Trình bày được khái niệm sinh quyển. xác định được giới hạn và vai trò của sinh quyển  - Hiểu và trình bày được vai trò của từng nhân tố vô cơ, sinh vật, con người đến sự phân bố sinh vật.  - Phân tích, nhận xét các hình vẽ, bản đồ để rút ra nhưng kết luận cần thiết.  - Xác lập mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên và con người đối với sinh vật | Trên lớp |
| 11  (16/11 - 21/11/202) | **21** | **Bài 19:** Sự phân bố sinh vật và đất trên trái đất. | **I. Sự phân bố sinh vật và đất theo vĩ độ**  **II. Sự phân bố sinh vật và đất theo độ cao** | **-** Hiểu được quy luật phân bố của một số loại đất và thảm thực vật chính trên trái đất  - Phân tích, nhận xét các hình vẽ, bản đồ để rút ra nhưng kết luận cần thiết. | Trên lớp |
| **22** | **Chương IV: Một số quy luật của lớp vỏ địa lí.**  **Bài 20:** Lớp vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí. | **I. Lớp vỏ địa lí**  **II. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí**  1. Khái niệm  2. Biểu hiện của quy luật  3. Ý nghĩa thực tiễn | - Hiểu được khái niệm lớp vỏ địa lí.  - Hiểu và trình bày được một số biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.  **-** Sử dụng hình vẽ, lát cắt để trình bày về lớp vỏ địa lí (KN, giới hạn) và biểu hiện của qui luật thống nhất và hoàn chỉnh. | Trên lớp |
| 12  (23/11 - 28/11/202) | **23** | **Bài 21:** Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới. | **I. Quy luật địa đới**  1. Khái niệm  2. Biểu hiện của quy luật  **II. Quy luật phi địa đới**  1. Khái niệm  2. Biểu hiện của quy luật | - Hiểu và trình bày được một số biểu hiện của quy luật địa đới và quy luật phi địa đới  **-** Sử dụng bản đồ kết hợp với kiến thức đã học để giải thích sự phân chia các đới gió, các đới KH. | Trên lớp |
| **24** | **Chủ đề: Địa lí dân cư.** | **A. Dân số và sự gia tăng dân số**  I. Dân số và tình hình phát triển dân số Thế giới  II. Gia tăng dân số  **B. Cơ cấu dân số**  I. Cơ cấu sinh học  II. Cơ cấu xã hội  **C. Phân bố dân cư và đô thị hóa**  I. Phân bố dân cư  II. Khái niệm các loại hình quần cư  II. Đô thị hóa | - Trình bày và giải thích được xu hướng biến đổi quy mô dân số thế giới và hậu quả của nó.  - Biết được các thành phần cấu tạo nên sự gia tăng dân số là GTTN và GTCH  - Hiểu và trình bày được các loại cơ cấu dân số (cơ cấu sinh học, cơ cấu XH).  - Trình bày được khái niệm phân bố dân cư, giải thích được đặc điểm phân bố dân cư theo không gian, thời gian. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư.  - Trình bày được các đặc điểm của ĐTH, những mặt tích cực,tiêu cực của ĐTH.  - Vẽ biểu đồ về gia tăng dân số  - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu về dân số: biểu đồ tỉ suất sinh, tỉ suất tử thô; các kiểu tháp dân số cơ bản; biểu đồ cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế.  - Phân tích và giải thích bản đồ Phân bố dân cư thế giới: xác định những khu vực thưa dân, đông dân trên thế giới. Giải thích nguyên nhân. | Trên lớp |
| 13  (30/11 - 5/12/2020) | **25** |
| **26** |
| 14  (07/12 - 12/12/202) | **27** |
| **28** |
| 15  (14/12 - 19/12/202) | **29** | **Chương VI - Cơ cấu nền kinh tế.**  **Bài 26:** Cơ cấu nền kinh tế. | I. Các nguồn lực phát triển kinh tế  II. Cơ cấu nền kinh tế | - Trình bày được các loại nguồn lực và vai trò của chúng đối với sự phát triển KT-XH.  - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế và các bộ phận hợp thành cơ cấu kinh tế.  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích và nhận xét sơ đồ, bảng số liệu về nguồn lực phát triển KT và cơ cấu nền kinh tế.  - Biết cách tính toán, vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu nền kinh tế theo ngành của thế giới và các nhóm nước. | Trên lớp |
| **30** | **Chương VII- Địa lí nông nghiệp**  **Bài 27:** Vai trò. Đặc điểm. Các nhân tố ảnh hưởng tố phát triển và phân bố nông nghiệp. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. | **I. Vai trò và đặc điểm của nông nghiệp**  1. Vai trò  2. Đặc điểm  **II. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp**  **III. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp**  1. Trang trại  2. Vùng nông nghiệp | - Trình bày được vai trò và đặc điểm của nông nghiệp.  - Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và kinh tế - xã hội tới phát triển và phân bố nông nghiệp  - Biết được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chủ yếu: trang trại, vùng nông nghiệp  - Biết phân tích và nhận xét những đặc điểm phát triển, những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên và KT-XH ở một địa phương đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp, phân tích sơ đồ.  - Nhận diện được các đặc điểm chính của các HTTCLTNN | Trên lớp |
| 16  (21/12 - 26/12/202) | **31** | **Bài 28:** Địa lí ngành trồng trọt | **I. Cây lương thực**  1. Vai trò  2. Các cây lương thực chính  3. Các cây lương thực khác  **II. Cây công nghiệp**  1. Vai trò và đặc điểm  2. Các cây công nghiệp chủ yếu  **III. Ngành trồng rừng**  1. Vai trò của rừng  2. Tình hình trồng rừng | - Trình bày được vai trò, đặc điểm sinh thái, sự phân bố các cây lương thực chính và các cây công nghiệp chủ yếu.  - Trình bày được vai trò của rừng; tình hình trồng rừng.  - Sử dụng bản đồ Nông nghiệp thế giới để phân tích và giải thích sự phân bố các cây lương thực chính, các cây công nghiệp chủ yếu. | Trên lớp |
| **32** | **Bài 29:** Địa lí ngành chăn nuôi. | **I. Vai trò và đặc điểm ngành chăn nuôi**  1. Vai trò  2. Đặc điểm  **II. Các ngành chăn nuôi**  **III. Ngành nuôi trồng thủy sản**  1. Vai trò  2. Tình hình nuôi trồng thủy sản | - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành chăn nuôi, sự phân bố các ngành chăn nuôi: gia súc, gia cầm.  - Trình bày được vai trò của thủy sản, tình hình nuôi trồng thủy sản.  - Xác định trên bản đồ thế giới những vùng và quốc gia chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chủ yếu.  - Xây dựng và phân tích biểu đồ, lược đồ về đặc điểm của ngành chăn nuôi và địa lí các ngành chăn nuôi | Trên lớp |
| 17  (28/12/2020 - 2/1/2021) | **33** | **Bài 30:** *Thực hành:* Vẽ và phân tích biểu đồ về sản lượng lương thực, dân số thế giới và một số quốc gia. | 1. Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng lương thực và dân số các nước  2. Tính bình quân lương thực theo đầu người của một số nước và thế giới. | - Củng cố kiến thức về địa lí cây lương thực  - Vẽ biểu đồ và nhận xét  - Biết cách tính bình quân lương thực theo đầu người | Trên lớp |
| **34** | **Ôn tập** | Ôn tập kiến thức phần thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển, một số quy luật của lớp vỏ địa lí. | - Các quyển của lớp vỏ địa lí  - Các quy luật của lớp vỏ địa lí  - Địa lí dân cư  - Cơ cấu nền kinh tế  **-** Phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ và nhận xét | Trên lớp |
| 18  (4/1 - 9/1/2021) | **35** | **Kiểm tra học kỳ I** | Củng cố kiến thức phần thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển, một số quy luật của lớp vỏ địa lí. | - Các quyển của lớp vỏ địa lí  - Các quy luật của lớp vỏ địa lí  - Địa lí dân cư  - Cơ cấu nền kinh tế  **-** Phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ và nhận xét | Trên lớp |
| **HỌC KÌ II: 17 tiết** | | | | | |
| 20  (18/1 - 23/1/2021) | **36** | **Chương VIII - Địa lí công nghiệp**  **Bài 31:** Vai trò và đặc điểm của công nghiệp.  Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp. | **I. Vai trò và đặc điểm của công nghiệp.**  1. Vai trò.  2. Đặc điểm  **II. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.** | - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.  - Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. | Trên lớp |
| 21  (25/1 - 30/1/2021) | **37** | **Bài 32:** Địa lí các ngành công nghiệp (Tiết 1) | I. Công nghiệp năng lượng. | - Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành: Khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực;  - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.  **-** Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.  - Đọc được bản đồ công nghiệp | Trên lớp |
| 22  (1/2 - 6/2/2021) | **38** | **Bài 32:** Địa lí các ngành công nghiệp (Tiết 2) | II. Công nghiệp điện tử - tin học.  III. Công nghiệp cơ khí  III. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  IV. Công nghiệp thực phẩm. | - Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành: điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.  - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.  **-** Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.  - Đọc được bản đồ công nghiệp | Trên lớp |
| 23  (15/2 - 20/2/2021) | **39** | **Bài 33:** Một số hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | I.Vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  II. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp; phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  - Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.  - Đọc được bản đồ công nghiệp | Trên lớp |
| 24  (22/2 - 27/2/2021) | **40** | **Bài 34:** *Thực hành:* Vẽ biểu đồ tình hình sản xuất  một số sản phẩm công nghiệp thế giới. | I. Chuẩn bị.  II. Nội dung thực hành. | Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp. | Trên lớp |
| 25  (1/3 – 6/3/2021) | **41** | **Ôn tập** | Hệ thống kiến thức:  Địa lí ngành công nghiệp | - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học ở chương VIII.  - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học.  - Rèn luyện lại một số kĩ năng địa lí cơ bản trong việc phân tích, lí giải một số vấn đề địa lí ngành công nghiệp. | Trên lớp |
| 26  (8/3 – 13/3/2021) | **42** | **Kiểm tra 1 tết** | Hệ thống kiến thức:  Địa lí ngành công nghiệp | - Củng cố được kiến thức các ngành nông nghiệp, công nghiệp  - Kiểm tra được các mức độ nhận thức của học sinh để đánh giá kết quả học của HS.  - Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra, các kĩ năng tính toán. | Trên lớp |
| 27  (15/3 – 20/3/2021) | **43** | **Chương IX - Địa lí dịch vụ**  **Bài 35:** Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố các ngành dịch vụ | **I. Cơ cấu và vai trò của các ngành dịch vụ.**  1. Cơ cấu.  2. Vai trò.  3. Đặc điểm và xu hướng phát triển.  **II. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.**  **III. Đặc điểm phân bố các ngành dịch vụ trên thế giới.** | - Trình bày được cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.  - Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành dịch vụ.  - Liên hệ được các hoạt động dịch vụ tại địa phương. | Trên lớp |
| 28  (22/3 – 27/3/2021) | **44** | **Chủ đề: Địa lí ngành giao thông vận tải** | **A. Vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển, phân bố ngành giao thông vận tải**  I. Vai trò và đặc điểm ngành giao thông vận tải.  II. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.  **B. Địa lí các ngành giao thông vận tải**  I. Đường sắt.  II. Đường ô tô.  III. Đường ống.  IV. Đường sông, hồ.  V. Đường biển.  VI. Đường hàng không  **C. Thực hành: Viết báo cáo ngắn về kênh đào Xuy-ê và kênh đào Pa-na-ma**  I. Chuẩn bị.  II. Nội dung thực hành. | - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải và các chỉ tiêu đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải.  - Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và kinh tế - xã hội đến sự phân bố và phát triển của ngành cũng như sự hoạt động của các phương tiện vận tải.  - Nắm được các ưu điểm, hạn chế, đặc điểm phát triển và phân bố của ngành vận tải đường sắt, đường ô tô, đường ống, đường sông - hồ, đường biển và đường hàng không.  - Hiểu được vị trí chiến lược của hai kênh đào Xuy-ê và Panama.  - Thấy được những lợi ích về kinh tế của hai kênh đào.  - Kỹ năng sơ đồ hóa một hiện tượng, một quá trình được nghiên cứu.  - Biết phân tích mối quan hệ qua lại và mối quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng kinh tế - xã hội.  - Xác định được trên bản đồ một số tuyến đường giao thông quan trọng, giải thích được các nguyên nhân phát triển và phân bố ngành GTVT  - Biết tổng hợp tài liệu, phân tích bảng số liệu kết hợp với phân tích bản đồ.  - Viết được báo cáo ngắn và trình bày kết quả trước lớp. | Trên lớp |
| 29  (29/3 – 3/4/2021) | **45** | **Chủ đề: Địa lí ngành giao thông vận tải (tiếp)** | Trên lớp |
| 30  (5/4 – 10/4/2021) | **46** | **Chủ đề: Địa lí ngành giao thông vận tải (tiếp)** | Trên lớp |
| 31  (12/4 – 17/4/2021) | **47** | **Chủ đề: Địa lí ngành giao thông vận tải (tiếp)** | Trên lớp |
| 32  (19/4 – 24/4/2021) | **48** | **Bài 40:** Địa lí ngành thương mại. | I. Khái niệm về thị trường.  II. Ngành thương mại.  III. Đặc điểm của thị trường thế giới. | - Trình bày được khái niệm về thị trường, vai trò ngành thương mại, đặc điểm của thị trường thế giới.  - Đọc và phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê ngành thương mại.  - Liên hệ được các hoạt động thương mại tại địa phương. | Trên lớp |
| 33  (26/4 -1/5/2021) | **49** | **Chương X – Môi trường và sự phát triền bền vững**  **Chủ đề: Môi trường và sự phát triển bền vững.** | **A. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên**  I. Môi trường.  II. Tài nguyên thiên nhiên.  **B. Môi trường và sự phát triển bền vững.**  I. Sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường là điều kiện để phát triển. | - Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người.  - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững.  - Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh.  - Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương. | Trên lớp |
| 34  (3/5-8/5/2021) | **50** |
| 35  (10/5-15/5/2021) | **51** | **Ôn tập học kì II** | Hệ thống kiến thức:  - Địa lí công nghiệp.   * Địa lí dịch vụ. * Môi trường và sự phát triển bền vững. | - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học ở chương VIII đến chương X.  - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học.  - Rèn luyện lại một số kĩ năng địa lí cơ bản trong việc phân tích, lí giải một số vấn đề địa lí tự nhiên, kinh tế, kĩ năng làm bài. | Trên lớp |
| 36  (17/5-22/5/2021) | **52** | **Kiểm tra học kì II** | Hệ thống kiến thức:  - Địa lí công nghiệp.  - Địa lí dịch vụ.   * Môi trường và sự phát triển bền vững. | - Củng cố được kiến thức các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, môi trường và phát triển bền vững.  - Kiểm tra được các mức độ nhận thức của học sinh để đánh giá kết quả học của HS.  - Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra, các kĩ năng tính toán. | Trên lớp |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG**  **PHÊ DUYỆT** | **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  **...............** | *..............., ngày 10 tháng 9 năm 2020*  **TM. NHÓM CHUYÊN MÔN**  **...............** |